

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO
Ngày Thi: 10/8/2025

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
1	BKNC8003	Kiều Nguyễn Diệu	Anh	23/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	9,0	9,0	8,5	8,83	Đạt	
2	BKNC8004	Trần Thị Lan	Anh	27/01/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,5	9,5	8,0	9,0	Đạt	
3	BKNC8005	Trần Tuấn	Anh	03/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	9,0	6,0	8,0	7,67	Đạt	
4	BKNC8006	Phạm Ngọc Huyền	Chi	13/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	4,0	4,0	3,0	3,67	Không đạt	
5	BKNC8007	Hoàng Văn	Đạo	03/02/1994	Quảng Nam	9,0	9,5	9,5	9,5	9,5	Đạt	
6	BKNC8008	Nguyễn Lê Thuý	Duyên	20/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	6,33	8,0	9,0	5,0	7,33	Đạt	
7	BKNC8009	Đàm Thị Thanh	Hiền	28/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,5	6,0	6,0	7,17	Đạt	
8	BKNC8010	Vô Ngọc	Huệ	08/10/2005	Phú Yên	9,33	7,5	10,0	10,0	9,17	Đạt	
9	BKNC8011	Dương Thị Thu	Hương	17/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,0	8,5	10,0	9,17	Đạt	
10	BKNC8012	Nguyễn Thị Thuý	Hương	10/06/1989	Long An	9,67	9,0	9,5	8,5	9,0	Đạt	
11	BKNC8013	Vô Ngọc Minh	Huyền	24/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	9,0	9,0	9,0	9,0	Đạt	
12	BKNC8014	Đỗ Ngọc Thùy	Linh	12/09/2004	Đắk Lắk	8,33	9,5	9,0	8,5	9,0	Đạt	
13	BKNC8015	Nguyễn Gia	Linh	27/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	6,0	4,0	4,0	1,0	3,0	Không đạt	
14	BKNC8016	Đoàn Thị Mai	Linh	09/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	5,33	7,0	6,0	5,0	6,0	Đạt	
15	BKNC8017	Dương Văn	Mẫn	02/02/2002	An Giang	8,33	7,0	8,0	7,5	7,5	Đạt	
16	BKNC8018	Biện Ngọc Hà	Mi	14/02/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,0	9,0	10,0	9,33	Đạt	
17	BKNC8019	Ngô Thị Trà	My	25/05/2002	Long An	3,67	0,0	0,0	0,0	0,0	Không đạt	
18	BKNC8020	Trương Hoàng	Nam	19/12/2001	Hà Nội	7,0	4,0	4,0	1,0	3,0	Không đạt	
19	BKNC8021	Nguyễn Ngọc Phúc	Ngân	09/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,0	9,0	6,0	8,0	Đạt	
20	BKNC8022	Cao Thụy Bảo	Ngọc	25/10/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,0	8,0	9,0	8,67	Đạt	
21	BKNC8023	Nguyễn Hồ Trinh	Nguyên	12/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,0	9,0	8,0	8,33	Đạt	
22	BKNC8024	Nguyễn Phương	Nguyên	12/12/2004	Khánh Hòa	9,0	9,0	9,5	7,0	8,5	Đạt	
23	BKNC8025	Nguyễn Kim	Nhi	13/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	5,0	5,0	6,0	5,33	Đạt	
24	BKNC8026	Lê Thị Thảo	Như	17/10/2004	Tây Ninh	9,0	9,0	5,0	8,0	7,33	Đạt	
25	BKNC8027	Trần Thị Tú	Oanh	20/03/2004	Hà Tĩnh	9,0	9,0	9,0	10,0	9,33	Đạt	
26	BKNC8028	Nguyễn Thanh	Thanh	10/03/1996	Long An	9,33	9,0	8,0	8,0	8,33	Đạt	
27	BKNC8029	Nguyễn Thị Nguyệt	Thanh	26/07/1989	Long An	9,67	9,0	9,0	7,0	8,33	Đạt	
28	BKNC8030	Phan Kim	Thi	29/03/2004	Tây Ninh	9,33	9,0	8,5	6,5	8,0	Đạt	
29	BKNC8031	Lâm Mỹ	Thương	20/05/2004	Phú Yên	10,0	9,0	8,5	8,0	8,5	Đạt	
30	BKNC8032	Nguyễn Thị Kim	Thuý	20/11/2004	Thanh Hoá	5,0	9,0	9,5	9,0	9,17	Đạt	
31	BKNC8033	Đoàn Lộc Yên	Thy	28/03/2004	Đồng Nai	8,67	9,0	9,5	10,0	9,5	Đạt	
32	BKNC8034	Nguyễn Châu Thuý	Tiên	06/08/2004	Quảng Ngãi	10,0	8,5	9,0	8,0	8,5	Đạt	
33	BKNC8035	Bùi Thị Tố	Trinh	08/10/2004	Đồng Nai	10,0	9,0	5,0	7,5	7,17	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
34	BKNC8036	Trần Thiện Thanh	Tuấn	30/07/1983	Long An	9,0	9,0	9,5	9,0	9,17	Đạt	
35	BKNC8037	Đặng Thị	Tuyết	08/10/1989	Hà Tĩnh	9,0	10,0	9,5	10,0	9,83	Đạt	
36	BKNC8038	Vũ Ngọc	Uyên	11/01/2004	Bà Rịa - Vũng Tàu	8,67	7,5	9,0	9,0	8,5	Đạt	
37	BKNC8039	Đặng Hiền	Vi	05/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,0	9,5	8,0	8,83	Đạt	
38	BKNC8040	Phạm Nguyễn Thảo	Vi	18/05/2005	Đồng Tháp	8,67	9,0	9,0	9,0	9,0	Đạt	
39	BKNC8041	Đinh Hoàng	Vũ	20/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,0	8,0	7,5	8,17	Đạt	
40	BKNC8042	Triệu	Vy	08/04/2004	Gia Lai	9,67	9,0	8,5	9,0	8,83	Đạt	
41	BKNC8043	Huỳnh Triệu Thanh	Xuân	19/06/2004	Kiên Giang	9,33	9,0	9,0	8,0	8,67	Đạt	

Ghi chú: Kết quả Đạt: Điểm trắc nghiệm (Điểm TN)>=5 và Điểm thực hành 3 mô đun >=5

Số lượng thí sinh:41Số thí sinh đạt:37

Số lượng hiện diện:41

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam